

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

Số: 1162 /CBTT-QNP

“V/v Công bố Báo cáo tài chính
giữa niên độ năm 2024 đã được soát xét
và giải trình kết quả kinh doanh 06 tháng
năm 2024 sau soát xét”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

- Mã chứng khoán: QNP
- Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại liên hệ: (0256) 3892363 Fax: (0256) 3891783
- E-mail: info@quynhonport.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 bao gồm:
 - + Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét;
 - + Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét.
- Công bố công văn số 1161 /QNP-TCKT ngày 15 /08/2024 về việc giải trình biến động kết quả kinh doanh 06 tháng năm 2024 sau soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn vào ngày 15 /08/2024 tại đường dẫn <https://www.quynhonport.vn/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Ban TGD (đề b/c);
- Lưu VT, TCKT, NPTQTCT.



**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hồng Quân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

Số: 1161/QNP-TCKT

“V/v giải trình biến động kết quả
kinh doanh 06 tháng năm 2024 sau
soát xét”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn gửi đến Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chi tiêu	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2023	Chênh lệch 06 tháng/ 2024 so với 06 tháng/2023	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng đã được soát xét	76.809.181.470	48.535.574.135	28.273.607.335	58,3%
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất đã được soát xét	75.380.442.120	51.537.578.970	23.842.863.150	46,3%

1. Biến động lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024:

Lợi nhuận sau thuế từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét tăng hơn 28,27 tỷ đồng về giá trị, tương ứng tăng 58,3% về tỷ lệ so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Sản lượng hàng hóa 6 tháng năm 2024 thông qua Cảng Quy Nhơn đạt hơn 6 triệu tấn, tăng 46,3% so với cùng kỳ, trong đó hàng container đạt trên 96.000 teus, tăng 24,6% so với cùng kỳ 2023 làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 58,6% so với cùng kỳ.

2. Biến động lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024:

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2024 trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty tăng hơn 23,84 tỷ đồng về giá trị,

tương ứng tăng 46,3% về tỷ lệ so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chính của việc tăng lợi nhuận sau thuế trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 chính là nguyên nhân việc tăng lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Hồng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo riêng giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch	
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên	Miễn nhiệm từ 12/04/2024
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên	Bỏ nhiệm từ 12/04/2024

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Diệp	Kiểm soát viên
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Hồng Quân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 808/2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/8/2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

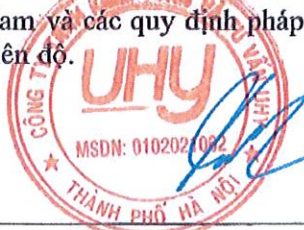
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Phạm Gia Đạt****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho***CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY***Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		569.802.336.328	465.435.245.990
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	114.894.794.241	215.667.048.302
Tiền	111		69.894.794.241	54.667.048.302
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	161.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		309.000.000.000	106.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	309.000.000.000	106.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.631.058.528	80.561.417.498
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	93.775.272.909	72.074.099.725
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	16.342.513.674	10.320.634.696
Các khoản phải thu khác	136	9	6.021.745.479	2.706.348.624
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.508.473.534)	(4.539.665.547)
Hàng tồn kho	140	10	20.903.805.083	19.620.907.381
Hàng tồn kho	141		20.903.805.083	19.620.907.381
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.372.678.476	43.585.872.809
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.358.285.275	13.837.750.741
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.014.393.201	17.837.740.030
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	11.910.382.038
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		692.234.927.554	708.356.403.186
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.348.273.000	7.348.273.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	7.348.273.000	7.348.273.000
Tài sản cố định	220		603.183.744.152	532.888.062.353
Tài sản cố định hữu hình	221	12	602.257.353.059	531.675.901.767
- Nguyên giá	222		1.592.188.735.583	1.498.938.401.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(989.931.382.524)	(967.262.499.256)
Tài sản cố định vô hình	227	13	926.391.093	1.212.160.586
- Nguyên giá	228		8.928.287.711	8.831.577.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.001.896.618)	(7.619.417.125)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.887.989.556	79.939.436.018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.887.989.556	79.939.436.018
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	68.000.000.000	75.608.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		50.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	7.608.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.000.000.000	18.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.814.920.846	12.572.631.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.814.920.846	12.572.631.815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.262.037.263.882	1.173.791.649.176



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		450.500.750.252	362.650.377.016
Nợ ngắn hạn	310		210.265.543.162	147.425.613.363
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	67.576.946.604	79.896.303.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.118.967.325	3.984.012.363
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	16.810.249.606	10.791.289.047
Phải trả người lao động	314		42.702.491.038	45.333.685.161
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.253.965.146	429.855.747
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	49.873.798.102	1.364.647.491
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.929.125.341	5.625.820.090
Nợ dài hạn	330		240.235.207.090	215.224.763.653
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	240.235.207.090	215.224.763.653
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	811.536.513.630	811.141.272.160
Vốn chủ sở hữu	410		811.536.513.630	811.141.272.160
Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		330.627.832.160	287.285.693.176
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.809.181.470	119.756.078.984
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	17.598.364.874
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76.809.181.470	102.157.714.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.262.037.263.882	1.173.791.649.176

Bình Định, ngày 17 tháng 8 năm 2024


Nguyễn Thị Phượng Linh
Người lập biểu


Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng


Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	355.788.399.606	245.569.835.295
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.840.694.053	834.920.660
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		352.947.705.553	244.734.914.635
Giá vốn hàng bán	11	24	222.812.515.542	162.678.000.031
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.135.190.011	82.056.914.604
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	18.838.706.505	14.860.794.550
Chi phí tài chính	22	26	9.216.421.037	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.915.696.660	-
Chi phí bán hàng	25	27	8.023.633.902	4.850.018.023
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	36.293.250.597	32.536.118.250
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.440.590.980	59.531.572.881
Thu nhập khác	31	29	198.068.375	739.339.176
Chi phí khác	32	30	167.219.560	196.982.006
Lợi nhuận khác	40		30.848.815	542.357.170
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.471.439.795	60.073.930.051
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	18.662.258.325	11.538.355.916
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.809.181.470	48.535.574.135

Bình Định, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thị Phương Linh
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		95.471.439.795	60.073.930.051
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.859.960.929	18.730.720.539
Các khoản dự phòng	03		(31.192.013)	(54.028.125.291)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(120.043.917)	(198.436.285)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(17.302.812.942)	(14.413.862.683)
Chi phí lãi vay	06		8.915.696.660	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		110.793.048.512	10.164.226.331
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(4.936.680.821)	(17.495.210.381)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(1.282.897.702)	(426.697.074)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.643.486.772	17.371.415.371
Tăng giảm chi phí trả trước	12		11.237.176.435	(8.863.956.992)
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.980.223.625)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.756.837.809)	(7.202.824.632)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.646.754.749)	(8.793.394.673)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		95.070.317.013	(15.246.442.050)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(34.744.608.710)	(134.837.745.153)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(298.000.000.000)	(124.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		95.000.000.000	182.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.608.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.257.243.597	14.581.372.564
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(220.879.365.113)	(63.156.372.589)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		25.010.443.437	121.608.705.849
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.408.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.002.035.437	121.608.705.849
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(100.807.012.663)	43.205.891.210
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		215.667.048.302	33.374.915.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		34.758.602	124.002.669
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	114.894.794.241	76.704.809.404

Bình Định, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thị Phượng Linh
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn có 100% vốn Nhà nước cấp, theo Quyết định số 804/QĐ-HDQT ngày 31/10/2009 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam; Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28/07/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 404.099.500.000 VND.

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 761 người (tại 01/01/2024 là 772 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, Đại lý vận tải hàng hóa; Đại lý tàu biển; Đại lý vận tải thủy bộ; Vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

Các đơn vị thành viên trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
2.	Xí nghiệp sửa chữa Cơ Khí - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

Các công ty con và công ty liên kết: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

3.3 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty là Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và số liệu của các chi nhánh trực thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải	04 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Phần mềm quản lý	03 - 08

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.12 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế của kỳ hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của kỳ hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho kỳ hiện tại là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	237.968.950	671.252.548
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.656.825.291	53.995.795.754
- Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	161.000.000.000
	114.894.794.241	215.667.048.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	309.000.000.000	-	106.000.000.000	-
Ngắn hạn	309.000.000.000	-	106.000.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	309.000.000.000	-	106.000.000.000	-

(*) Tại ngày 30/06/2024, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có tổng giá trị 309.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 3%/năm đến 4,7%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	93.775.272.909	72.074.099.725
- Công ty TNHH Maersk Việt Nam	11.183.773.964	9.563.162.165
- Công ty TNHH MSC Việt Nam	6.351.074.886	6.221.566.034
- Công ty TNHH PIL (Việt Nam)	2.849.818.116	2.481.550.571
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	1.794.729.646	1.105.452.639
- Công ty CP Nguyệt Anh	1.348.446.159	1.079.307.366
- Công ty CP ĐT Quốc tế và XNK DHT	3.297.252.579	1.028.452.867
- Các khách hàng khác	66.950.177.559	50.594.608.083
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	7.395.701.264	4.072.871.369
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	140.287.983	140.287.983
- Công ty Vận tải Biển VIMC	4.398.133.797	2.766.657.933
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa Quy Nhơn)	2.063.409.477	-
- Công ty TNHH MTV DV Logistics Cảng Quy Nhơn	789.078.047	1.165.925.453
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	4.791.960	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.342.513.674	10.320.634.696
- Công ty Cổ phần Unico Vina	8.575.000.000	2.475.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Donarco	283.250.000	4.873.000.000
- Các khách hàng khác	7.656.749.754	2.972.634.696
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	296.808.600	172.486.080
- Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh	153.000.000	-
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	143.808.600	172.486.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.021.745.479	-	2.706.348.624	-
- Tạm ứng	1.850.495.780	-	181.623.780	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.171.249.699	-	2.524.724.844	-
+ Phải thu về tiền BHXH	484.979.234	-	460.728.112	-
+ Phải thu về tiền BHYT	86.976.003	-	86.386.521	-
+ Phải thu về tiền BHTN	57.984.002	-	57.591.014	-
+ Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	16.000.000	-	16.000.000	-
+ Lãi tiền gửi dự thu	3.501.593.037	-	1.880.301.774	-
+ Phải thu khác	23.717.423	-	23.717.423	-
Dài hạn	7.348.273.000	-	7.348.273.000	-
- Ký cược, ký quỹ	7.348.273.000	-	7.348.273.000	-
	13.370.018.479	-	10.054.621.624	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	17.958.203.543	-	16.237.032.407	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.945.601.540	-	3.383.874.974	-
	20.903.805.083	-	19.620.907.381	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.358.285.275	13.837.750.741
- Các loại bảo hiểm máy móc, xe cộ	336.977.075	118.855.789
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.325.530.017	762.628.770
- Các khoản khác	3.695.778.183	12.956.266.182
Chi phí trả trước dài hạn	9.814.920.846	12.572.631.815
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	88.992.936	706.173.457
- Chi phí thực hiện di dời giải phóng mặt bằng	8.736.559.135	11.236.559.137
- Các khoản khác	989.368.775	629.899.221
	15.173.206.121	26.410.382.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	954.549.070.629	189.476.750.666	344.127.357.488	10.785.222.240	1.498.938.401.023
- Mua trong kỳ	-	4.982.888.317	9.024.074.074	2.234.963.265	16.241.925.656
- Đầu tư XDCB hoàn thành	77.821.883.945	-	-	-	77.821.883.945
- Thanh lý, nhượng bán	(813.475.041)	-	-	-	(813.475.041)
30/06/2024	1.031.557.479.533	194.459.638.983	353.151.431.562	13.020.185.505	1.592.188.735.583
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	548.387.106.976	99.078.926.994	313.130.074.409	6.666.390.877	967.262.499.256
- Khấu hao trong kỳ	10.571.622.893	7.538.717.995	4.641.349.490	725.791.058	23.477.481.436
- Thanh lý, nhượng bán	(808.598.168)	-	-	-	(808.598.168)
30/06/2024	558.150.131.701	106.617.644.989	317.771.423.899	7.392.181.935	989.931.382.524
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	406.161.963.653	90.397.823.672	30.997.283.079	4.118.831.363	531.675.901.767
30/06/2024	473.407.347.832	87.841.993.994	35.380.007.663	5.628.003.570	602.257.353.059

Tại 30/06/2024:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 804.176.522.386 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 799.855.484.723 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 430.577.374.999 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 359.131.779.496 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2024	8.831.577.711	8.831.577.711
- Mua trong kỳ	96.710.000	96.710.000
30/06/2024	<u>8.928.287.711</u>	<u>8.928.287.711</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2024	7.619.417.125	7.619.417.125
- Khấu hao trong kỳ	382.479.493	382.479.493
30/06/2024	<u>8.001.896.618</u>	<u>8.001.896.618</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2024	<u>1.212.160.586</u>	<u>1.212.160.586</u>
30/06/2024	<u>926.391.093</u>	<u>926.391.093</u>

Tại 30/06/2024: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 6.115.420.000 VND. (Tại ngày 01/01/2024 là 6.115.420.000 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn	-	73.258.538.517
- Công trình khác	3.887.989.556	6.680.897.501
	<u>3.887.989.556</u>	<u>79.939.436.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	68.000.000.000	-	75.608.000.000	-
Đầu tư vào Công ty con	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	-	-	7.608.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	-	-	7.608.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn	100%	100%	Vận tải, hỗ trợ dịch vụ vận tải; bốc xếp hàng hóa; sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	16,68%	16,68%	Kinh doanh xếp dỡ kho bãi, vận chuyển đường biển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	67.576.946.604	67.576.946.604	79.896.303.464	79.896.303.464
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình thủy	21.617.043.790	21.617.043.790	35.809.751.347	35.809.751.347
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình thủy Hà Nội	6.046.831.176	6.046.831.176	12.055.008.865	12.055.008.865
- Công ty Cổ phần Xây dựng Mỹ Đà	13.132.861.148	13.132.861.148	14.370.520.915	14.370.520.915
- Các đối tượng khác	26.780.210.490	26.780.210.490	17.661.022.337	17.661.022.337
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	15.888.303.311	15.888.303.311	3.480.504.514	3.480.504.514
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	6.236.926.235	6.236.926.235	2.948.632.804	2.948.632.804
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	557.203.507	557.203.507	359.100.000	359.100.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	8.601.446.700	8.601.446.700	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	408.815.305	408.815.305	157.926.462	157.926.462
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	83.911.564	83.911.564	14.845.248	14.845.248

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	(1.119.092.991)	45.603.582.179	27.674.239.582	16.810.249.606
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	269.822.421	668.015.535	708.708.097	229.129.859
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.256.837.809	18.662.258.325	16.756.837.809	12.162.258.325
- Thuế thu nhập cá nhân	264.628.817	2.116.701.929	1.874.735.190	506.595.556
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(11.910.382.038)	24.151.606.390	8.328.958.486	3.912.265.866
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Trong đó:				
Phải thu	11.910.382.038			-
Phải nộp	10.791.289.047			16.810.249.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	49.873.798.102	1.364.647.491
- Kinh phí công đoàn	115.968.004	140.349.393
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.757.830.098	1.224.298.098
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	48.574.580.098	91.048.098
+ Tiền tạm thu (*)	1.133.250.000	1.133.250.000
+ Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	-
	49.873.798.102	1.364.647.491

(*) Đây là khoản tiền ghi nhận tương ứng với số tiền mà Công ty đã tạm thu vào quỹ của Bà Phạm Thị Thúy Linh và theo dõi như một khoản phải trả để chờ kết quả cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ của Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, sau đó Công ty sẽ thực hiện thanh toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Theo đó:

Ngày 11/01/2021, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” (lần 2). Ngày 04/01/2021, Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 1.133.250.000 đồng. Đến ngày 27/01/2021, Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện số tiền đòi 1.133.250.000 đồng.

Ngày 06/02/2023, Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long có đơn phản tố gửi Tòa án Nhân dân TP. Quy Nhơn yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.133.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền này từ ngày 01/02/2018.

Ngày 06/9/2023, Tòa án Nhân dân TP. Quy Nhơn đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, phán quyết của Tòa về số tiền 1.133.250.000 đồng tại bản án số 52/2023/KDTM-ST: Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long buộc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long số tiền gốc 1.133.250.000 đồng và tiền lãi 631.768.000 đồng; tổng cộng là 1.765.018.000 đồng.

Ngày 12/4/2024, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Định phát hành bản án phúc thẩm số 05/2024/KDTM-PT tuyên buộc Công ty TNHH Cửu Long trả cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn số tiền 124.513.757 đồng, buộc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long số tiền gốc 1.133.250.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY DÀI HẠN

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	240.235.207.090	240.235.207.090	25.010.443.437	-	215.224.763.653	215.224.763.653
- Vay dài hạn	240.235.207.090	240.235.207.090	25.010.443.437	-	215.224.763.653	215.224.763.653
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	240.235.207.090	240.235.207.090	25.010.443.437		215.224.763.653	215.224.763.653

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/2736121/HĐTD ký ngày 03/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“Bên vay”) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Bên cho vay”), với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 327.828.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ (bao gồm cả lãi vay trong thời gian thi công) đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn tại địa điểm: Phường Hải Cảng - TP Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định (“Dự án”);
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất năm đầu: 9,0%/năm, áp dụng trong trường hợp Dự Án giải ngân lần đầu trước ngày 31/03/2023. Sau thời gian trên. Bên cho vay sẽ có thông báo lãi suất cho Bên vay;

Tài sản đảm bảo là tài sản cụ thể như sau:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn chủ sở hữu và vốn vay tại Dự Án, bao gồm tài sản trên đất (công trình, nhà xưởng) hình thành trên Khu Đất và máy móc thiết bị (nếu có) được Bên Vay thế chấp cho Bên Cho Vay theo Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản và/hoặc các Hợp đồng thế chấp khác phù hợp với hình thái hình thành của tài sản trong tương lai.
- Các quyền tài sản, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm; quyền thụ hưởng bảo lãnh; quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này, các quyền và lợi ích khác, các khoản bồi hoàn... phát sinh từ Hợp đồng thuê đất, Hợp đồng xây dựng, Hợp đồng cung cấp dịch vụ, mua sắm máy móc thiết bị và các Hợp đồng khác có liên quan đến Dự Án) được Bên Vay thế chấp cho Bên Cho Vay theo Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản.
- Các Tài Khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các Chấp Thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo Các Văn Kiện Dự Án) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên Vay thuộc Dự Án theo Hợp đồng thế chấp động sản và Quyền tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1. CHI TIẾT GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
+ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	303.122.620.000	303.122.620.000
+ Các cổ đông khác	100.976.880.000	100.976.880.000
	404.099.500.000	404.099.500.000

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000
+ Vốn góp cuối kỳ	404.099.500.000	404.099.500.000

20.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.409.950	40.409.950
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.409.950	40.409.950
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.409.950	40.409.950

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

20.4 CÁC QUỸ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	330.627.832.160	287.285.693.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20.5. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	404.099.500.000	275.392.693.176	90.148.304.874	769.640.498.050
- Lãi trong năm	-	-	102.157.714.110	102.157.714.110
- Chia cổ tức	-	-	(48.491.940.000)	(48.491.940.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(12.165.000.000)	(12.165.000.000)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	11.893.000.000	(11.893.000.000)	-
31/12/2023	404.099.500.000	287.285.693.176	119.756.078.984	811.141.272.160
01/01/2024	404.099.500.000	287.285.693.176	119.756.078.984	811.141.272.160
- Lãi trong kỳ	-	-	76.809.181.470	76.809.181.470
- Chia cổ tức (*)	-	-	(48.491.940.000)	(48.491.940.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	43.342.138.984	(43.342.138.984)	-
- Trích lập các quỹ theo NQ của Đại hội đồng cổ đông 2024	-	-	(27.922.000.000)	(27.922.000.000)
30/06/2024	404.099.500.000	330.627.832.160	76.809.181.470	811.536.513.630

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 12/04/2024, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023, như sau:

	Giá trị VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	17.598.364.874
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	102.157.714.110
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	119.756.078.984
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	43.342.138.984
Trích Quỹ Khen thưởng	10.188.000.000
Trích Quỹ Phúc lợi	17.125.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng người quản lý, người điều hành doanh nghiệp	609.000.000
Tiền lợi nhuận chia cổ tức	48.491.940.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho thuê kho bãi, văn phòng, cửa hàng xăng dầu, máy chủ, điện thoại theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	10.915.403.684	1.606.128.682
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.278.386.052	5.711.450.387

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để thuê các lô đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo hình thức thuê đất trả tiền hàng k, như sau:

Số hợp đồng	Diện tích	Thời hạn	Mục đích
HĐ số 54/HĐ-TĐBS ngày 10/04/2020	209.888,05 m ²	Từ 01/01/1996 đến 31/12/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng văn phòng làm việc và dịch vụ cảng
HĐ số 306/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	3.923,2 m ²	Từ 22/08/2002 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	35.937,3 m ²	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, phát triển Cảng Quy Nhơn
HĐ số 308/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	38.824,4 m ²	Từ 13/04/2006 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, phát triển Cảng Quy Nhơn
HĐ số 19/HĐTĐ ngày 24/01/2019	813,3 m ²	Từ 01/11/2013 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm cấp nước tàu biển
HĐ số 85/HĐTĐ ngày 20/05/2022	16.800 m ²	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 159/HĐTĐ ngày 29/06/2022	38.277,3 m ²	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 85/HĐTĐ ngày 20/05/2022	16.800 m ²	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 159/HĐTĐ ngày 29/06/2022	38.277,3 m ²	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	526.033,80	197.653,87
	526.033,80	197.653,87

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	355.788.399.606	245.569.835.295
	355.788.399.606	245.569.835.295
Doanh thu với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	28.342.301.378	18.300.136.295

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.840.694.053	834.920.660
+ Chiết khấu thương mại	2.840.694.053	834.920.660

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	222.812.515.542	162.678.000.031
	222.812.515.542	162.678.000.031

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.681.944.401	9.853.862.683
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.098.004.673	4.560.000.000
- Lãi do thoái vốn	6.792.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.146.713.514	248.495.582
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư cuối kỳ	120.043.917	198.436.285
	18.838.706.505	14.860.794.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	36.465.118	-
- Chi phí lãi vay	8.915.696.660	-
- Chi phí tài chính khác	264.259.259	-
	9.216.421.037	-

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	36.293.250.597	32.536.118.250
- Nhân viên quản lý	19.686.324.415	18.094.489.763
- Khấu hao tài sản cố định	418.266.736	516.604.875
- Thuế, phí lệ phí	5.377.730.243	4.507.358.498
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.551.243.411	6.125.083.979
- Hoàn nhập dự phòng	(31.192.013)	(356.943.757)
- Chi phí bằng tiền khác	2.290.877.805	3.649.524.892
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	8.023.633.902	4.850.018.023
- Nhân viên bán hàng	4.764.687.488	3.431.756.098
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.065.941.397	1.028.190.151
- Hoa hồng môi giới	1.193.005.017	390.071.774
	44.316.884.499	37.386.136.273

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	22.155.290.413	18.554.944.702
- Chi phí nhân công	111.713.714.895	79.972.688.575
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng	3.085.002.377	3.065.545.043
- Khấu hao tài sản cố định	23.859.960.929	18.730.720.539
- Thuế, phí và lệ phí, tiền thuê đất	24.156.606.390	19.804.737.113
- Hoàn nhập dự phòng	(31.192.013)	(356.943.757)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.121.945.791	57.939.111.233
- Chi phí bằng tiền khác	6.629.797.825	3.840.071.997
	266.691.126.607	201.550.875.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền bồi thường thu được	198.068.375	723.314.727
Các khoản khác	-	16.024.449
	198.068.375	739.339.176

30. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán, di dời hàng hóa	4.876.873	187.482.549
Các khoản chi phí khác	162.342.687	9.499.457
	167.219.560	196.982.006

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	95.471.439.795	60.073.930.051
Các khoản điều chỉnh tăng	2.937.856.502	2.177.849.528
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	216.000.000	516.000.000
- Kinh phí hỗ trợ INSECO đối với tài sản trên đất không di dời được trên khu đất 3.8ha	2.500.000.002	1.263.440.861
- Chi phí không được trừ khác	221.856.500	398.408.667
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.098.004.673)	4.560.000.000
- Cổ tức được chia	(5.098.004.673)	4.560.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	93.311.291.624	57.691.779.579
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.662.258.325	11.538.355.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan		38.650.747.109	31.555.801.862
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Cùng Công ty mẹ	1.760.511.064	2.158.333.335
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	15.808.605.000	15.403.265.400
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con	19.674.660.291	13.059.894.669
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	Công ty liên kết	138.049.936	57.401.458
- Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	876.907.000	876.907.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Đơn vị liên kết của Công ty mẹ	392.013.818	-
Doanh thu với bên liên quan		28.342.301.378	18.300.136.295
- Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ	7.964.478.182	5.660.084.082
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - chi nhánh Quy Nhơn	Cùng Công ty mẹ	13.248.995.274	6.776.941.626
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con	7.097.763.122	5.831.873.787
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	31.064.800	27.736.800
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết của Công ty cùng Công ty mẹ	-	3.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		5.098.004.673	4.560.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	3.600.000.000	3.600.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Hàng hải	Công ty liên kết	-	960.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con	1.498.004.673	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của thành viên Ban điều hành

	Chức vụ	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/05/2023)	96.000.000	15483871
Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/05/2023)	-	84774194
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/04/2024)	30.000.000	23225806
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/05/2023)	-	56516129
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	374.183.258	412.513.826
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT	243.446.484	305.425.516
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	60.000.000	72.000.000
		30.000.000	-
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ		
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	-	56516129
Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	15.483.871
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	60.000.000
Bà Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	60.000.000
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc	270.410.247	293.078.161
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc	270.410.247	293.078.161
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	270.410.247	-
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	258.244.972	279.904.336

34. THÔNG TIN KHÁC

Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“Cảng Quy Nhơn”) và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long (“Cửu Long”) đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân (“TAND”) các cấp: phiên tòa sơ thẩm tại TAND tỉnh Bình Định - Bản án số 04/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019; phiên tòa phúc thẩm tại TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Bản án số 03/2020/KDTM-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020; phiên tòa sơ thẩm lần 2 ngày 15 tháng 07 năm 2022 tại TAND tỉnh Bình Định - Bản án số 05/2022/KDTM-ST; và phiên tòa phúc thẩm lần 2 ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Bản án số 31/2022/KDTM-PT.

Tại Bản án số 31/2022/KDTM-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (bản án phúc thẩm lần 2), TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Cảng Quy Nhơn; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Cửu Long; sửa bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 17 tháng 05 năm 2022 của TAND tỉnh Bình Định; buộc Cảng Quy Nhơn phải trả cho Cửu Long tổng số tiền là 53,48 tỷ VND (trong đó, phí dịch vụ lai dắt 24,44 tỷ VND, bồi thường thiệt hại năm 2019 và 2020 là 24,65 tỷ VND, trả lãi chậm thanh toán 4,39 tỷ VND); buộc Cảng Quy Nhơn tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với Cửu Long; ngoài ra Cảng Quy Nhơn còn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 190,76 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2022, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Bình Định ra Quyết định thi hành án số 105/QĐ-CTHADS. Tuy nhiên, Cảng Quy Nhơn đã có Đơn đề nghị gửi Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm soát nhân dân tối cao ban hành công văn số 01/YC-VKS-KDTM yêu cầu hoãn thi hành bản án phúc thẩm (lần 2) của TAND cấp cao tại Đà Nẵng trong thời hạn 3 tháng (kể từ ngày 09/01/2023) để nghiên cứu hồ sơ, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đến ngày 10 tháng 01 năm 2023, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ra quyết định số 10/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án trong thời hạn 3 tháng.

Từ ngày 21/04/2023 đến ngày 24/04/2023, Cục thi hành án dân sự Tỉnh Bình Định đã cưỡng chế khấu trừ trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn số tiền 53.480.418.064 đồng để thi hành án theo quyết định 105/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2022. Ngày 29/05/2023, Cảng Quy Nhơn đã nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo QĐ số 201/QĐ-CTHADS ngày 17/4/2023 số tiền 190.763.470 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã triển khai các bước công việc thực hiện thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 14/06/2023, Viện kiểm sát Nhân Dân tối cao đã ra quyết định số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM về Kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án KDTM phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng theo hướng huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/07/2022 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Định; giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo đúng qui định pháp luật.

Ngày 10/01/2024, tại phiên tòa Giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 05/2024/KDTM-GĐT chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 14/06/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hủy bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” giữa Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long và Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phúc Trường Linh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2024, Toàn án nhân dân tỉnh Bình Định đã ra Thông báo số 05/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án Nguyên đơn Công ty TNHH VT Biển Cửu Long và bị đơn Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ngày 30/01/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã ra Quyết định số 08/QĐ-CTHADS về việc đình chỉ thi hành án đối với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ngày 18/03/2024, Toàn án nhân dân tỉnh Bình Định đã ra Thông báo số 05/TB-TLVA về việc thụ lý yêu cầu phân tố vụ án của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Bình Định ngày 12 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Phượng Linh
Người lập biểu



Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

